

Số: 4099/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 7 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán  
Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 6754
	Ngày: 12/7/18
	Chuyển: .....

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 28/6/2014;  
Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;  
Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư và xây dựng;  
Căn cứ Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 31/10/2016, số 434/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa;  
Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa;  
Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018;  
Căn cứ Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018 nguồn vốn ngân sách Trung ương;  
Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tại Tờ trình số 175/TTr-BQL ngày 24/4/2018 về việc thẩm định, trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa và Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại thông báo kết quả thẩm định số 1598/SGTVT-QLCL ngày 05/7/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa, với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa.

2. Thuộc dự án: Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa.

3. Loại và cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

4. Địa điểm xây dựng: Huyện Tư Nghĩa và Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ngãi.

6. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát và thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình Thiên Phúc.

7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

- Chủ nhiệm dự án: Ks. Võ Duy Thiện.

- Chủ trì khảo sát địa hình: Ks. Nguyễn Hữu Tuyên.

- Chủ trì khảo sát địa chất: Ks. Huỳnh Đắc Tuyên.

- Chủ trì thiết kế: Ks. Nguyễn Thành Thái.

- Chủ trì dự toán: Ks. Trương Thị Ái Vy.

8. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng:

- Hạng mục công trình giao thông: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và xây dựng Quang Trung.

- Hạng mục hạ tầng kỹ thuật: Công ty TNHH MTV Tư vấn và xây dựng Thiên Hoàng.

9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

9.1. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật:

- Chiều dài tuyến:  $L = 4.914,46\text{m}$ .

- Điểm đầu: tại Km0+026 (giao với điểm cuối dự án tuyến đường Nguyễn Công Phương nối dài) thuộc địa phận xã Nghĩa Điền, huyện Tư Nghĩa.

- Điểm cuối: tại Km4+940,46 thuộc thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành.

- Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
1	Cấp thiết kế đường		
1.1	Đoạn Km0+026 - Km4+508 (TCVN 4054-2005)		Cấp III - Đồng bằng
1.2	Đoạn Km4+508 - Km4+940,46 (TCXDVN104-2007)		Đường phố chính đô thị thứ yếu
2	Tốc độ thiết kế	Km/h	80

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
3	Bề rộng		
3.1	Đoạn Km0+026 – Km4+508		
	+ Nền đường	m	12,0
	+ Mặt đường	m	7,0
	+ Lê gia cố	m	2x2,0=4,0
	+ Lê đường	m	2x0,5=1,0
3.2	Đoạn Km4+508 – Km4+940,46		
	+ Nền đường	m	23,5
	+ Mặt đường	m	13,5
	+ Vía hè	m	2x5,0=10,0
4	Đốc ngang mặt đường	%	2%
5	Đốc ngang lề đường/vía hè		
5.1	Đoạn Km0+26 – Km4+508	%	4% (hướng ra ngoài tự nhiên)
5.2	Đoạn Km4+508 – Km4+940,46	%	2% (hướng vào mặt đường)
6	Kết cấu mặt đường, lề gia cố		BTN, cấp cao A1, $E_{yc} = 155\text{Mpa}$
7	Tải trọng thiết kế		
7.1	Tuyến	kN	100
7.2	Công trình trên tuyến		
	+ Cầu		Hoạt tải HL93
	+ Cống qua đường, cầu nhỏ		H30-XB80
	+ Cống trên vỉa hè		H13-X60
8	Tần suất thiết kế		
8.1	Cầu lớn, trung	%	1
8.2	Tuyến, cầu nhỏ, cống	%	4

- Hệ thống an toàn giao thông.
- Thoát nước mưa, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng.

## 9.2. Giải pháp thiết kế:

### 9.2.1. Hạng mục công trình giao thông:

a) Bình đồ: Bình đồ tuyến thiết kế chủ yếu bám theo đường cũ, hạn chế giải tỏa đền bù, một số đoạn điều chỉnh tim tuyến để đảm bảo yếu tố kỹ thuật của cấp hạng tuyến đường thiết kế. Đoạn Km4+508 - Km4+940,46 tim tuyến bám theo quy hoạch được duyệt.

b) Trắc dọc: Cao độ đường đờ được thiết kế trên cơ sở cao độ mặt đường hiện trạng, phù hợp với mui lượn siêu cao mặt đường tại các đỉnh đường cong, theo phương án tận dụng tối đa mặt đường cũ để tăng cường kết cấu áo

đường mới, phù hợp với bình đồ, trắc ngang thiết kế và thiết kế cơ sở được duyệt, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo cấp hạng tuyến đường thiết kế.

c) Trắc ngang:

- Đối với đoạn Km0+026 - Km4+508: Trắc ngang được thiết kế với quy mô bề rộng nền  $B_n = 12,0\text{m}$ , bề rộng mặt đường  $B_m = 7,0\text{m}$ , bề rộng lề gia cố  $B_{lgc} = 2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$ , bề rộng lề đường  $B_{ld} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$ .

- Đối với đoạn Km4+508 - Km4+940,46: Bề rộng nền  $B_n = 23,5\text{m}$ , bề rộng mặt đường  $B_m = 13,5\text{m}$ , bề rộng vỉa hè  $B_{vh} = 2 \times 5,0 = 10,0\text{m}$ ; độ dốc mặt đường và vỉa hè 2%; mặt đường dốc ngang 2 mái hoặc 1 mái.

- Đối với các đoạn có bố trí siêu cao khi vào đường cong có bán kính nhỏ, độ dốc siêu cao 2%.

d) Nền đường:

- Phạm vi nằm trong phần mặt đường cũ: Tận dụng tối đa mặt đường cũ để tăng cường kết cấu áo đường theo thiết kế; một số vị trí cần đào bỏ mặt đường cũ thay bằng lớp đất đòi chọn lọc đầm chặt  $K \geq 0,98$  dày 30cm.

- Phạm vi mở rộng (nằm ngoài phần mặt đường cũ): Phạm vi nền đào mở rộng, đào khuôn đến cao trình thiết kế và thay bằng lớp đất đòi chọn lọc đầm chặt  $K \geq 0,98$  dày 30cm, sau khi lu lèn nền tự nhiên đạt độ chặt  $K \geq 0,95$ ; Phạm vi nền đắp mở rộng, vét hữu cơ, bóc đất phong hóa dày 0,3m đến 0,5m và đắp trả bằng đất đòi chọn lọc đầm chặt  $K \geq 0,95$ , 30 cm trên cùng đầm chặt  $K \geq 0,98$ , đánh cấp với bề rộng  $B = 1,0\text{m}$  đối với vị trí mái dốc nền tự nhiên  $> 20\%$  trước khi đắp đất nền đường; gia cố mái taluy nền đường tại những đoạn nền đắp cao  $H \geq 2,0\text{m}$  bằng bê tông M150; mái đào  $m = 1:1,0$ , mái đắp  $m = 1:1,5$ .

- Ngoài ra, đối với những đoạn nền đường qua ruộng, nương, ao, hồ... đất yếu, nền đọng nước thường xuyên thì xử lý đắp trả bằng cát với bề dày hợp lý, hoặc có giải pháp gia cố nền thích hợp để đảm bảo ổn định nền đường.

e) Mặt đường: Mặt đường cấp cao A1, thiết kế các lớp kết cấu (từ trên xuống) như sau:

- Đối với phạm vi trong mặt đường cũ đá dăm láng nhựa: Lớp BTNC 12,5 dày 5cm; Lớp BTNC 19 dày 7cm; Bù vênh cấp phối đá dăm loại 1  $D_{max} = 25\text{mm}$  dày trung bình 15cm.

- Đối với phạm vi trong mặt đường cũ BTXM: Lớp BTNC 12,5 dày 5cm; Lớp BTNC 19 dày 7cm; Bù vênh BTNR.

- Đối với phạm vi mặt đường mở rộng (nằm ngoài phần mặt đường cũ):

+ Phần mở rộng của mặt đường bê tông nhựa trên mặt BTXM cũ hoặc láng nhựa cũ: Lớp BTNC 12,5 dày 5cm; Lớp BTNC 19 dày 7cm; Lớp cấp phối đá dăm loại 1  $D_{max} = 25\text{mm}$  dày 15cm; Lớp cấp phối đá dăm loại 2  $D_{max} = 37,5\text{mm}$  dày 35cm.

+ Phần mở rộng của mặt đường BTXM mới đầu tư được tận dụng lại: Lớp mặt BTXM M350 dày 22cm trên lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

f) Bó vỉa: Bề mặt bê tông M300, chiều cao bó vỉa  $h = 15\text{cm}$ .

g) Nút giao thông: Bố trí tại các đường dân sinh hiện hữu và nút theo thiết kế cơ sở được duyệt; Thiết kế nút giản đơn, giao cắt cùng mức, vuốt nổi êm thuận và đảm bảo an toàn giao thông.

h) Thoát nước ngang:

- Công, cầu nhỏ: Tận dụng tối đa các công, cầu nhỏ hiện hữu còn sử dụng tốt, thiết kế nối mở rộng phù hợp với khổ nền đường thiết kế, thiết kế thay thế mới một số công cũ bị hư hỏng hoặc không đảm bảo khả năng thoát nước; bổ sung công mới tại một số vị trí cần thiết để đảm bảo tiêu, thoát nước tốt cho khu vực. Cụ thể:

TT	Lý trình	Loại cầu, công		Ghi chú
		Hiện hữu	Thiết kế	
1	Km0+641,8	Công V75	Giữ nguyên	
2	Km0+539,4	Công D100	Thiết kế mới	
3	Km1+416	Công V100	Nối công V100	
4	Km3+762,6	Công V75	Nối công V75	
5	Km2+216	Cầu bản $L=6,7\text{m}$	Thay thế bằng công hộp $H(4,7 \times 1,8)\text{m}$	Công thủy lợi
6	Km4+905,3	Công hộp $H(1,8 \times 1,28)\text{m}$	Thiết kế mới $1H(2 \times 1,5)\text{m}$	
7	Km4+375,8	Công D150	Thiết kế mới	
8	KM0+904	Cầu bản $L = 4\text{m}$	Nối cầu bản $L = 4\text{m}$	
9	KM1+299	Cầu bản $L = 4\text{m}$	Nối cầu bản $L = 4\text{m}$	
10	KM3+313	Cầu bản $L = 4\text{m}$	Nối cầu bản $L = 4\text{m}$	
11	KM3+906,5	Cầu bản $L = 4\text{m}$	Nối cầu bản $L = 4\text{m}$	
12	KM4+507,5	Cầu bản $L = 6\text{m}$	Nối cầu bản $L = 6\text{m}$	

- Kết cấu:

+ Công tròn: Ống công bằng BTCT ly tâm M300; Móng thân công bằng bê tông M150; Tường đầu, tường cánh bằng bê tông M150; Móng tường đầu, tường cánh, chân khay, sân công bằng bê tông M150.

+ Công vuông: Ống công bằng BTCT M250; Móng thân công bằng BT M150; Tường đầu, tường cánh bằng bê tông M150; Móng tường đầu, tường cánh, chân khay, sân công bằng bê tông M150; Nối công bằng bê tông M200; bản vượt bằng BTCT M250.

+ Công hộp: Thân công bằng BTCT M300; Móng thân công bằng bê tông M150; Tường đầu, tường cánh bằng bê tông cốt thép M200; Móng tường

đầu, tường cánh và sân công bằng bê tông M150; Mỗi nôi cống hộp bằng bê tông M300; Bản vọt bằng BTCT M250.

+ Cầu bản: Bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa; Lớp phủ bằng BTCT 30Mpa; Gờ chắn bánh BTCT 30Mpa; Thân mố, thân tường cánh bằng bê tông 16Mpa; Xà mũ mố bằng BTCT 20Mpa; Thanh giằng ngang bằng BTCT; Móng mố, móng tường cánh bằng bê tông 16Mpa; Móng mố đóng, móng tường cánh gia cố cọc tre; Gia cố sân cầu bằng đá hộc chít vữa M100; Gia cố ta luy thượng hạ lưu cầu bằng bê tông 12Mpa; bản vọt BTCT 20Mpa.

- Cầu Xóm Xiếc: Tận dụng cầu cũ, xây dựng mới 01 đơn nguyên bên phải tuyến.

+ Sơ đồ nhịp: 2x21,0m; Chiều dài cầu (từ đuôi mố)  $L_c = 55,15m$ .

+ Kết cấu thượng bộ: Dầm bản rộng bằng BTCT DƯL 40MPa, chiều cao dầm  $h = 0,8m$ ; mỗi nhịp bố trí 07 dầm, cách nhau 1,0m; Bản mặt cầu bằng BTCT 30Mpa dày 15cm; Lớp phủ mặt cầu BTNC 12,5 dày 7cm; gờ cao su bản thép; khe co giãn bằng thép.

+ Kết cấu hạ bộ: Mố dạng mố tường, trụ đặc thân hẹp bằng BTCT 30MPa; Móng cọc khoan nhồi bằng BTCT 30Mpa, đường kính D1000; mỗi mố cầu bố trí 05 cọc khoan nhồi, trụ cầu bố trí 04 cọc khoan nhồi.

i) Hệ thống an toàn giao thông: Hệ thống an toàn giao thông trên tuyến được thiết kế đảm bảo các yêu cầu quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2016/ BGTVT.

\* Tạm duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đối với đoạn Km0+434,13 – Km0+656,00.

### 9.2.2. Hạ tầng kỹ thuật:

- Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước được thiết kế nằm dọc hai bên tuyến đường giao thông tại các đoạn qua khu dân cư. Toàn bộ cống được thiết kế nằm dưới đường (đoạn tuyến thiết kế không có vỉa hè), riêng đoạn cuối tuyến cống được thiết kế nằm dưới vỉa hè (đoạn tuyến có thiết kế vỉa hè thuộc địa phận thị trấn Chợ Chùa) theo thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. Sử dụng cống tròn ly tâm BTCT đúc sẵn có đường kính  $\varnothing(600-1500)mm$ ; cống dưới đường chịu tải trọng H30-XB80, cống dưới vỉa hè chịu tải trọng H10-XB60, nôi cống bằng gioăng cao su kết hợp chèn vữa. Tại các vị trí đầu nôi với các tuyến đường dân sinh hiện trạng sử dụng cống tròn  $\varnothing400$  và hố thu để thu nước vào cống dọc, tại vị trí giao nhau với đường sắt Bắc - Nam bố trí mương bê tông B800 đập đan BTCT để dẫn nước từ cống dọc xả ra cống hiện trạng. Hệ thống thoát được thu gom thoát về các cống ngang theo thiết kế cơ sở đã được phê duyệt; độ dốc dọc tuyến  $i=(0,1-0,2)\%$ . Tại các vị trí khu dân cư hiện trạng thấp hơn mặt đường bố trí các cửa thu để dẫn vào hệ thống thoát nước dọc. Giếng thăm bằng bê tông đá 1x2 M200 đối với các vị trí nằm trên vỉa hè và bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M200) đối với các vị trí nằm dưới mặt đường, đan đập giếng thăm bằng BTCT (bê tông đá 1x2 M250) kết hợp đan gang định hình; hố thu thiết kế bê tông đá 1x2 M250 đập song chắn rác bằng gang.

- Vĩa hè + Hố trồng cây:

+ Vĩa hè thiết kế dọc hai bên tuyến đường giao thông theo thiết kế cơ sở đã được phê duyệt (đối với đoạn cuối tuyến thuộc địa phận thị trấn Chợ Chùa). Vĩa hè lát gạch terrazzo 400x400x30 trên lớp bê tông đá 1x2 M150 dày 5cm.

+ Hố trồng cây: Thiết kế dọc hai bên tuyến đường; kích thước bồn (1,0x1,0)m, thành bồn bằng bê tông đá 1x2 M200, mặt bồn cây lát đá granit. Khoảng cách giữa các hố trồng cây (8-12)m.

- Điện chiếu sáng: Thiết kế nằm trên vĩa hè dọc tuyến đường theo thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. Nguồn điện được đấu nối từ trạm biến áp trong khu vực. Tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dọc hai bên vĩa hè tuyến đường, trụ đèn sử dụng trụ thép mạ kẽm cần đèn rời cao 11m (số lượng 26 bộ), đèn chiếu sáng sử dụng đèn LED công suất 107W. Dây dẫn sử dụng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC (4x10)mm<sup>2</sup>, chiều dài tuyến đường dây ngầm khoảng 800m.

9.2.3. Bảo vệ môi trường, sinh thái, phòng chống cháy nổ và an toàn lao động: Có thuyết minh giải pháp bảo vệ môi trường trên công trình, thiết kế phòng chống cháy nổ và an toàn lao động trong thi công đảm bảo yêu cầu.

10. Giá trị dự toán xây dựng công trình: **131.627.458.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	67.825.014.000 đồng.
- Chi phí bồi thường, GPMB:	43.750.000.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	968.048.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.104.197.000 đồng.
- Chi phí khác:	5.271.622.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	8.708.577.000 đồng.

**Điều 2.** Căn cứ Quyết định này, Chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Căn cứ vào khối lượng và biện pháp thi công thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu thanh toán theo đúng qui định của pháp luật về xây dựng; quản lý chặt chẽ kinh phí của dự án trong phạm vi dự toán công trình được duyệt.

2. Thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ.

3. Thực hiện các nội dung kiến nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1598/SGTVT-QLCL ngày 05/7/2018.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên Môi trường; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: TH, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.448.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**